

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2022/HS-ST
Ngày: 10 - 8 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Bà Phạm Thị Tú Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:
Ông Dương Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2022/TLST - HS ngày 25 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

Phạm Văn C, sinh năm 1975; tại TX. A, tỉnh B; Nơi cư trú: thôn T, xã N, TX. A, tỉnh B; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 08/12; Con ông Phạm H (chết) và bà Dương Thị H, sinh năm 1944; Vợ: Trần Thị Hồng S, sinh năm 1969 đã ly hôn năm 2010; Có 02 con: người con lớn sinh năm 2000, người con nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; (có mặt).

Huỳnh Văn C, sinh năm 1983; tại TX. A, tỉnh B; Nơi cư trú: thôn T, xã N, TX. A, tỉnh B; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông Huỳnh Thanh A (chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957; Vợ: Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1984; Có 01 con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; (Vắng mặt).

- Bị hại: Anh Nguyễn Việt P, sinh năm 1991. Trú tại: Xóm 4, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Q. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn O, sinh năm 1962. Trú tại: Tô 5, KV 8, P. N, Tp. Q, tỉnh B. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1993. Trú tại: thôn L, xã N, Tp. Q, tỉnh B. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 02/9/2021, Phạm Văn C điều khiển xe chở Huỳnh Văn C đi tìm Nguyễn Viết P, sinh năm 1991 quê tỉnh Q đang thuê nhà ở tại xã N, thành phố Q để đòi nợ số tiền 1.500.000 đồng tiền làm công trình hồ ga.

Khi đi đến cây xăng “Minh H” thuộc xã N, thành phố Q, thấy Phú đang đổ xăng tại đây nên C và C vào đòi tiền nợ, P không trả. Sợ P bỏ đi không trả nợ nên C lén rút chìa khóa xe mô tô biển số 76D1-259.21 của P. Sau đó, C tiếp tục đòi tiền và lớn tiếng chửi, dọa đánh nên P dắt xe bỏ đi, C và C vẫn đi theo sau. Đi được một đoạn, Phú phát hiện bị mất chìa khóa xe nên dắt xe đến tiệm sửa xe “Honda Đ” tại thôn L, xã N, thành phố Q để nhờ sửa khóa, C và Cường tiếp tục đi theo P đến tiệm sửa xe “Honda Đ”. P dựng xe ở vỉa hè trước tiệm sửa xe rồi nhờ Nguyễn Quang Đ (chủ tiệm sửa xe Honda Đ) mở cốp xe để tìm chìa khóa do P nghĩ để quên chìa khóa trong cốp xe. Đ và P mở nhưng không được nên P tiếp tục nhờ C vào phụ cạy cốp xe để tìm chìa khóa trong cốp xe nhưng không tìm thấy. Sau đó, P nhờ Đ sửa ổ khóa xe nhưng Đ không nhận sửa vì trời tối. P để lại xe mô tô biển số 76D1-259.21 trên vỉa hè của tiệm sửa xe “Honda Đ” rồi tự đi tìm chìa khóa; C và C tiếp tục đi theo P một đoạn thì C nói với C là đang giữ chìa khóa xe của P và nói C quay lại lấy xe của P, C đồng ý. Khi quay lại, C đứng trước cửa tiệm còn C đi vào gặp Đ nói dối là lấy xe của P đi cắt khóa rồi dắt xe mô tô biển số 76D1-259.21 ra ngoài điều khiển cùng C đến gửi tại nhà ông Lê Văn O; trú tại: Tổ 5, khu vực 8, phường N, thành phố Q (bạn của C). P tìm không có chìa khóa, nghĩ là Đ sẽ giữ xe cho mình nên P không quay lại lấy xe mà về phòng trọ tại xã N, thành phố Q. Đến trưa ngày 03/9/2021, P đến lấy xe thì biết được C và C đã lấy xe nên gọi điện hỏi C nhưng C không thừa nhận, P đến Công an xã N trình báo sự việc. Quá trình làm việc, Phạm Văn C đã thừa nhận cùng Huỳnh Văn C thực hiện hành vi lén lút trộm cắp và giao nộp xe mô tô biển số 76D1-259.21 cho Cơ quan Công an.

Ngày 04/10/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Tp. Quy Nhơn, kết luận: 01 (một) xe mô tô biển số: 76D1-259.51, nhãn hiệu: Honda Future, màu sơn: Nâu – Vàng, số khung: 007211, số máy: 2020528, đã qua sử dụng, trị giá: 15.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Quy Nhơn đã tạm giữ và trả lại 01 (một) xe mô tô biển số: 76D1-259.51 cho chủ sở hữu là Nguyễn Viết P.

Về phần dân sự: Bị hại Nguyễn Viết P không yêu cầu bồi thường gì.

Bản Cáo trạng số: 23/CT - VKSQN ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn truy tố các bị cáo Phạm Văn C và Huỳnh Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Phạm Văn C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo Huỳnh Văn C vắng mặt nhưng quá trình điều tra, truy tố đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Phạm Văn C và Huỳnh Văn C về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật hình sự. Bị cáo C có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi mẹ già bị bệnh tật, hành vi phạm tội của bị cáo cũng có một phần lỗi của bị hại nên đề nghị áp dụng tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo C ngoan cố, không thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi của mình, bỏ trốn và bị truy nã nên đề nghị xử lý nghiêm. Đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ Luật hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn C từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự; xử phạt bị cáo Huỳnh Văn C từ 06 đến 09 tháng tù.

- Về bồi thường thiệt hại: Bị hại anh Nguyễn Viết P không yêu cầu bồi thường.

- Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo Phạm Văn C thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Phạm Văn C xin HĐXX xử hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng mẹ già bệnh tật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Tp. Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh. Các bị cáo Phạm Văn C và Huỳnh Văn C có đầy đủ sức khỏe, năng lực để nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên các bị cáo phải biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng với ý thức xem thường pháp luật, đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản nên khoảng 18 giờ 30 phút ngày 02/9/2021, tại trước vỉa hè tiệm sửa xe “Honda Đ” thuộc thôn L, xã N, thành phố Q; Phạm Văn C và Huỳnh Văn

C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 76D1-259.51 của anh Nguyễn Viết P với tổng giá trị 15.000.000 đồng. Lời khai của bị cáo C tại phiên tòa cũng như lời khai của bị cáo C tại hồ sơ vụ án đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của các bị cáo phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn truy tố các bị cáo Phạm Văn C và Huỳnh Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật hình sự là có căn cứ, đúng tội.

Trong vụ án các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, cùng thực hiện hành vi phạm tội nên phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi đã gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương nên cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung đối với xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy rằng:

Các bị cáo Phạm Văn C, Huỳnh Văn C có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo C khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo C là bộc phát nhất thời, trong đó người bị hại cũng có lỗi nên được xem xét áp dụng tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc mẹ già bị bệnh tật. Nhận thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng; do đó, HĐXX cần xem xét xử phạt bị cáo hình phạt tù có điều kiện cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo C trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo không thể hiện ăn năn hối cải, không chấp hành theo lệnh của Tòa, bỏ trốn và bị truy nã nên cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ Luật hình sự, các bị cáo C, C có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo C khai tại phiên tòa cũng như lời khai của bị cáo C có trong hồ sơ vụ án; các bị cáo khai trước đây làm công nhân nhưng đã nghỉ việc và không có thu nhập khác nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại anh Nguyễn Viết P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về vấn đề khác: Đối với anh Trần Văn O có hành vi nhận cất giữ xe mô tô biển số 76D1-259.51 từ các bị cáo C và C nhưng không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Quy Nhơn không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh O là có căn cứ.

[8] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các bị cáo Phạm Văn C, Huỳnh Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 135, 136, điểm a khoản 2 Điều 290, Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn C, Huỳnh Văn C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 10/8/2022.

Giao bị cáo Phạm Văn C cho UBND xã N, TX. A, tỉnh B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2 Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn C 06 (sáu) tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Phạm Văn C, Huỳnh Văn C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt

có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA TX. An Nhơn;
- Đội ĐTTH CA TX. An Nhơn;
- UBND xã Nhơn Lộc;
- Đường sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ung Quang Định